

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2025/DS-PT

Ngày 01-8-2025

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tín

Các Thẩm phán: Ông Võ Đình Phương

Ông Trần Minh Thật

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Lê Đăng Phương Huệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 7 và ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do Bản án sơ thẩm số: 160/2024/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 141/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Trung Q**, sinh năm: 196x

Địa chỉ: Phường N, tỉnh Khánh Hòa

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đào Vũ L, sinh năm: 198x; địa chỉ: Phường N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Bị đơn: Ông **Phan Hoàng V**, sinh năm: 196x

Địa chỉ: Phường N, tỉnh Khánh Hòa

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm: 196x; địa chỉ: Phường N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Phô T - Văn phòng luật sư K thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty TNHH H

Địa chỉ: Phường N, tỉnh Khánh Hòa

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm: 196x; địa chỉ: Phường N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH H: Luật sư Phạm Phổ T - Văn phòng luật sư K thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Phan Hoàng V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Trung Q và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/9/2022, ông Phạm Trung Q và Công ty TNHH H do ông Phan Hoàng V làm giám đốc ký hợp đồng thuê khoán nhân công xây dựng công trình: Nhà ở riêng lẻ số: 01/2022/HĐNC/XD để xây dựng trọn gói công trình nhà ở tại số: 373, 375, 377 Lê Hồng Phong, phường Phước Hòa, Nha Trang.

Do phía Công ty TNHH H thi công không đảm bảo về chất lượng xây dựng và tiến độ nên ngày 05/01/2023, ông Q và ông V đã thỏa thuận chấm dứt trước thời hạn, thanh lý hợp đồng thuê khoán nói trên, ký giấy thanh toán phần thô. Hai bên thống nhất số tiền còn lại mà ông Q phải thanh toán cho phần thô Công ty đã xây dựng là 43.495.500 đồng. Ngày 06/01/2023, ông Q thanh toán trước số tiền 33.495.500 đồng bằng chuyển khoản internet banking vào tài khoản cá nhân của ông Phan Hoàng V số 6011000022420x tại Ngân hàng BIDV. Tuy nhiên, do nhầm lẫn nên ông Q đã chuyển số tiền 334.955.000 đồng. Khi phát hiện ra, ông Q đã nhiều lần liên lạc qua điện thoại và nhắn tin Zalo cũng như gặp trực tiếp để đề nghị ông V trả lại số tiền chênh lệch 291.459.500 đồng mà ông Q đã chuyển nhầm, nhưng ông V vẫn không hoàn trả. Sau đó, ông Q có nhận được số tiền 11.234.060 đồng của ông V chuyển trả. Vì vậy, ông Q rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 11.234.060 đồng. Ông Q chỉ yêu cầu ông V trả số tiền còn lại là 280.225.440 đồng và tiền lãi từ ngày 07/01/2023 đến ngày xét xử với lãi suất 0,83%/tháng là 53.495.036 đồng.

- Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn ông Phan Hoàng V trình bày:

Ông Phan Hoàng V đại diện Công ty TNHH H có ký hợp đồng giao khoán nhân công xây dựng với ông Phạm Trung Q. Công ty TNHH H không vi phạm hợp đồng vì giai đoạn đó trời mưa liên tục nên ảnh hưởng đến tiến độ thi công. Hai bên thống nhất miệng là Công ty chỉ hoàn thiện phần thô còn phần hoàn thiện để qua tết làm nhưng không hiểu sao ông Q tự động chấm dứt hợp đồng mà không bàn trước. Biên bản ngày 5/1/2023 mà ông V ký với ông Q chỉ là biên bản thanh toán phần thô. Tất cả số tiền trong đó đều đúng nhưng chưa có thuế VAT. Ngoài phần thô Công ty đã thi công được 1 phần hoàn thiện (xây toàn bộ tường bao của 3 nhà với giá trị tương đương 100.000.000 đồng) và giá trị vật liệu phụ công cốt pha tổng

cộng 184.951.434 đồng (chưa có VAT). Sau đó ngày 4/1/2023, ông V có nộp cho ông Q khối lượng đã làm phần hoàn thiện chưa thanh toán và giá trị phần vật liệu phụ + cốt pha theo hợp đồng của phần hoàn thiện tổng giá trị là 184.951.434 đồng (chưa có VAT). Ông V gửi qua email cùng ngày 04/01/2023. Ông V đã nhận số tiền 334.955.000 đồng do ông Q chuyển khoản vào ngày 06/01/2023, ông V không đồng ý số tiền này ông Q nói là chuyển nhầm. Ngày 06/01/2023, ông Q đã chuyển đúng số tiền phải thanh toán cho Công ty. Sau đó, Công ty làm thủ tục thanh quyết toán hợp đồng và thanh lý hợp đồng, Công ty có chuyển lại cho ông Q 11.234.060 đồng khi ông V đã gửi tất cả các biên bản thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính. Ông V không nợ ông Q nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Q. Ông V đã bàn giao mặt bằng cho ông Q vào 17 giờ ngày 08/01/2023. Ngày 07/01/2023, ông V đã gửi email cho ông Q. Ông V đã làm đúng email đã gửi.

- *Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H và người đại diện trình bày:* Công ty TNHH H thống nhất với lời khai của ông Phan Hoàng V.

Tại Bản án sơ thẩm số: 160/2024/DS-ST ngày 06/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 96, Điều 147, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 164, Điều 166 và Điều 170 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Phan Hoàng V phải trả cho ông Phạm Trung Q số tiền gốc là 280.225.440 đồng và tiền lãi là 53.495.036 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Trung Q đối với yêu cầu ông Phan Hoàng V trả số tiền 11.234.060 đồng.

2. Về án phí: Ông Phan Hoàng V phải nộp 16.686.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Phạm Trung Q 7.891.266 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0001831 ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09/12/2024, bị đơn ông Phan Hoàng V có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu đòi lại tài sản của nguyên đơn.

Ngày 11/12/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu đòi lại tài sản của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo bị đơn ông Phan Hoàng V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày: Giữa ông Phạm Trung Q và ông Phan Hoàng V không có bất kỳ quan hệ giao dịch dân sự gì với nhau. Số tiền 334.955.000 đồng mà ông Q đã chuyển vào tài khoản số: 6011000022420x đứng tên ông V mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ngày 06/01/2023 thì ông V đã chuyển cho Công ty TNHH H liên quan đến hợp đồng thuê khoán nhân công xây dựng công trình nhà ở mà ông Phạm Trung Q và Công ty TNHH H đã ký ngày 05/9/2022 và phụ lục Hợp đồng ngày 02/12/2022. Ông V không giữ số tiền trên của ông Q và cũng không gây ra bất kỳ thiệt hại gì cho ông Q. Đồng thời, việc ông Q cho rằng số tiền ông Q chỉ còn phải thanh toán cho Công ty H 43.495.500 đồng liên quan đến Hợp đồng nêu trên là không đúng, vì Giấy thanh toán phần thô mà ông V lập ngày 05/01/2023 chỉ là tài liệu có giá trị tham khảo, không có giá trị pháp lý. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Phan Hoàng V là bị đơn và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Q buộc bị đơn ông V phải trả tiền gốc 280.225.440 đồng và tiền lãi 53.495.036 đồng là không có căn cứ; ảnh hưởng đến quyền lợi của ông V. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày là không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong vụ án này nguyên đơn ông Phạm Trung Q kiện bị đơn ông Phan Hoàng V vì ông V là chủ tài khoản mà nguyên đơn đã chuyển thừa số tiền 291.459.500 đồng vào ngày 06/01/2023. Sau đó, ông V chuyển trả lại cho ông Q 11.234.060 đồng và đến nay ông V còn giữ số tiền 280.225.440 đồng. Ông V phải có nghĩa vụ trả lại tiền chiếm giữ không có căn cứ. Về số tiền lãi thực tế phát sinh từ số tiền mà ông V chiếm giữ không có căn cứ nêu trên thì nguyên đơn đồng ý với mức lãi suất và số tiền theo văn bản cung cấp thông tin ngày 28/7/2025 của Ngân hàng BIDV; theo đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi là 537.480 đồng.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:

Kể từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Phan Hoàng V phải trả cho ông Phạm Trung Q 280.762.920 đồng; trong đó, tiền gốc là 280.225.440 đồng và tiền lãi là 537.480 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Lần lượt vào các ngày 09/12/2024, 11/12/2024, bị đơn ông Phan Hoàng V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số: 160/2024/DS-ST ngày 06/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa. Đơn kháng cáo của ông Phan Hoàng V, Công ty TNHH H là hợp lệ theo Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Phan Hoàng V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H:

[2.1]. Về nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Phan Hoàng V là bị đơn là không đúng thì thấy: Theo Đơn khởi kiện ngày 11/12/2023, ông Phạm Trung Q khởi kiện đối với người bị kiện là ông Phan Hoàng V về việc đòi lại tài sản đối với số tiền mà ông Q cho rằng ông V chiếm giữ không có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Phạm Trung Q là bị đơn là đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung kháng cáo này của người kháng cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Về nội dung kháng cáo cho rằng ông V không chiếm giữ số tiền 280.225.440 đồng, sau khi ông Q chuyển khoản cho ông V thì ông V giao số tiền này cho Công ty H nên ông V không phải trả số tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.2.1]. Ngày 05/9/2022, ông Phạm Trung Q và Công ty TNHH H do ông Phan Hoàng V làm giám đốc ký hợp đồng thuê khoán nhân công xây dựng công trình: Nhà ở riêng lẻ số: 01/2022/HĐNC/XD để xây dựng trọn gói công trình nhà ở tại địa chỉ 373, 375, 377 Lê Hồng Phong, phường Phước Hòa, Nha Trang.

[2.2.2]. Ngày 05/01/2023, ông Phan Hoàng V với tư cách là Đơn vị thi công: Công ty TNHH H đã lập Giấy thanh toán phần thô gửi Chủ đầu tư ông Phạm Trung Q có nội dung: “Sau đây là bảng tất toán và thanh lý hợp đồng phần thô như sau”: ... “Số tiền còn thanh toán cho Công ty H là 43.495.500 đồng” và gửi tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản số: 6011000022420x đứng tên ông Phan Hoàng V mở tại Ngân hàng BIDV.

[2.2.3]. Ngày 06/01/2023, ông Phạm Trung Q đã ký nhận vào Giấy thanh toán phần thô nêu trên và ông Q đã chuyển vào số tài khoản 6011000022420x đứng tên ông Phan Hoàng V số tiền 334.955.000 đồng. Ngay sau khi chuyển tiền, ông Q phát hiện chuyển tiền bị nhầm cụ thể là chuyển thừa 291.459.500 đồng nên đã nhắn tin yêu cầu ông V phải trả số tiền thừa này.

[2.2.4]. Ngày 08/01/2023, ông V đã chuyển trả lại cho ông Q 11.234.060 đồng, nên số tiền còn lại là 280.225.440 đồng.

[2.2.5]. Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên, có cơ sở khẳng định việc ông Q yêu cầu ông V phải trả lại số tiền 280.225.440 đồng là có căn cứ.

[2.2.6]. Việc người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của ông Phan Hoàng V và Công ty TNHH H cho rằng ông V đã chuyển số tiền này cho Công ty TNHH H nên không phải chịu trách nhiệm hoàn trả số tiền này là không đúng. Vì ông V là chủ tài khoản nhận số tiền này. Việc ông V có giao hay không giao số tiền này cho Công ty TNHH H là một mối quan hệ khác. Nội dung kháng cáo này của người kháng cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Về nội dung kháng cáo cho rằng ông Phan Hoàng V không có lỗi và không gây ra thiệt hại gì nên không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trung Q thì thấy:

[2.3.1]. Như đã phân tích ở trên, việc ông Phan Hoàng V chiếm giữ số tiền mà ông Phạm Trung Q đã chuyển thừa là trái quy định của pháp luật và ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Q. Do đó, việc ông Q yêu cầu ông V phải trả lại số tiền mà ông V được lợi từ việc chiếm giữ tài sản không có căn cứ pháp luật mà đúng ra thuộc về ông Q là phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi 53.495.036 đồng là không đúng. Vì theo văn bản cung cấp thông tin số: 1913/BIDV.KH-QLRR ngày 28/7/2025 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa thì số tiền có trong tài khoản sẽ phát sinh tiền lãi. Cụ thể, tiền lãi phát sinh từ số tiền 291.459.500 đồng có trong tài khoản số: 6011000022420x của ông Phan Hoàng V từ ngày 06/01/2023 đến ngày 08/01/2023 là 1.597 đồng và tiền lãi phát sinh từ số tiền 280.225.440 đồng có trong tài khoản từ ngày 08/01/2023 đến ngày 06/12/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 535.883 đồng; tổng cộng tiền lãi là 537.480 đồng.

[2.3.2]. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn cũng chấp nhận với nội dung văn bản nêu trên Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa và yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 537.480 đồng, nên nội dung kháng cáo này của người kháng cáo là có cơ sở chấp nhận một phần. Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại phần này cho đúng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1]. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu bị đơn trả tiền lãi không được chấp nhận 52.957.556 đồng sẽ là 2.647.877 đồng.

[3.2]. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận 280.762.920 đồng sẽ là 14.038.146 đồng.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa 01 phần bản án sơ thẩm, nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 164, Điều 166, Điều 170 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Sửa 01 phần bản án dân sự sơ thẩm số: 160/2024/DS-ST ngày 06/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phan Hoàng V phải trả cho ông Phạm Trung Q 280.762.920 đồng (*Hai trăm tám mươi triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm hai mươi đồng*); trong đó, tiền gốc là 280.225.440 đồng và tiền lãi là 537.480 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Trung Q đối với yêu cầu ông Phan Hoàng V trả số tiền 11.234.060 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

- Ông Phạm Trung Q phải nộp 2.647.877 đồng án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào 7.891.266 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001831 ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Khánh Hòa nên ông Phạm Trung Q được hoàn lại 5.243.389 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phan Hoàng V phải nộp 14.038.146 đồng án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003501 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Khánh Hòa nên ông Phan Hoàng V còn phải nộp 13.738.146 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Công ty TNHH H 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003502 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Khánh Hòa.

4. Quy định: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND Khu vực 1 – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Tín